

UBND THÀNH PHỐ HÀ NỘI
SỞ TÀI CHÍNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /STC-TCĐT
V/v báo cáo tổng hợp tình hình
quyết toán dự án hoàn thành sử
dụng nguồn vốn đầu tư công trên
địa bàn Thành phố năm 2024

Hà Nội, ngày tháng năm 2025

Kính gửi: Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội

Thực hiện quy định tại Nghị định số 99/2021/NĐ-CP ngày 11/11/2021 của Chính phủ quy định về quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công và Thông tư số 96/2021/TT-BTC ngày 11/11/2021 của Bộ Tài chính quy định về hệ thống mẫu biểu sử dụng trong công tác quyết toán, chỉ đạo của UBND Thành phố tại các Văn bản số 700/UBND-KTTH ngày 15/3/2024, số 1901/UBND-KTTH ngày 14/6/2024, số 2722/UBND-KTTH ngày 17/8/2024, số 4474/UBND-KTTH ngày 31/12/2024 về việc thực hiện quyết toán sử dụng vốn đầu tư công.

Trên cơ sở tổng hợp báo cáo của các Ban quản lý dự án thuộc Thành phố, UBND các quận, huyện, thị xã, các đơn vị được giao làm chủ đầu tư dự án cấp Thành phố, Sở Tài chính báo cáo UBND Thành phố tình hình quyết toán hoàn thành dự án sử dụng nguồn vốn đầu tư công trên địa bàn Thành phố năm 2024 như sau:

1. Tình hình quyết toán vốn đầu tư công dự án hoàn thành năm 2024:

1.1. Về việc đẩy mạnh công tác quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành:

Trong năm 2024, Sở Tài chính đã tham mưu UBND Thành phố ban hành 04 Văn bản chỉ đạo công tác quyết toán vốn đầu tư công dự án hoàn thành: số 700/UBND-KTTH ngày 15/3/2024, số 1901/UBND-KTTH ngày 14/6/2024, số 2722/UBND-KTTH ngày 17/8/2024, số 4474/UBND-KTTH ngày 31/12/2024.

Sở Tài chính đã ban hành Kế hoạch số 3711/KH-STC ngày 21/6/2024 về việc thẩm định quyết toán ngân sách nhà nước năm 2023; kiểm tra công tác quản lý tài chính – Ngân sách; quản lý tài sản công tại các quận, huyện thị xã. Trong quá trình kiểm tra 30/30 quận, huyện, thị xã trên địa bàn Thành phố; thanh tra chuyên đề đối với 03 đơn vị còn tồn đọng nhiều dự án (Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình dân dụng thành phố Hà Nội, Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật và nông nghiệp thành phố Hà Nội, UBND huyện Gia Lâm). Qua đó, Sở Tài chính đã hướng dẫn, nắm bắt các khó khăn vướng mắc của các chủ đầu tư trong công tác quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành.

1.2. Số liệu quyết toán vốn đầu tư công dự án hoàn thành trong năm 2024:

a. Số dự án hoàn thành đã được phê duyệt quyết toán là: 2.275 dự án với giá trị chủ đầu tư đề nghị quyết toán là 28.688,4 tỷ đồng, giá trị quyết toán được duyệt là 28.495,7 tỷ đồng, giảm trừ 192,7 tỷ đồng so với giá trị đề nghị của chủ đầu tư, bao gồm:

- Dự án sử dụng ngân sách do cấp Thành phố quản lý (Trách nhiệm thẩm tra của Sở Tài chính): 105 dự án với giá trị chủ đầu tư đề nghị quyết toán là 5.932,9 tỷ đồng, giá trị quyết toán được duyệt là 5.918,4 tỷ đồng, giảm trừ 14,5 tỷ đồng so với giá trị đề nghị của chủ đầu tư. (**Phụ lục 1.1**)

- Dự án sử dụng ngân sách do cấp huyện quản lý (Trách nhiệm thẩm tra của Phòng Tài chính – Kế hoạch quận huyện thị xã): 2.170 dự án với giá trị chủ đầu tư đề nghị quyết toán là 22.755,5 tỷ đồng, giá trị quyết toán được duyệt là 22.577,3 tỷ đồng, giảm trừ 178,2 tỷ đồng so với giá trị đề nghị của chủ đầu tư. (**Phụ lục 2.1**)

b. Số dự án hoàn thành chưa phê duyệt quyết toán: 1.178 dự án, bao gồm:

- Dự án sử dụng ngân sách cấp Thành phố quản lý (Trách nhiệm thẩm tra của Sở Tài chính): 99 dự án (**Phụ lục 1.2**), trong đó:

+ Dự án đã nộp hồ sơ quyết toán: 34 dự án (trong hạn thẩm tra).

+ Dự án chưa nộp hồ sơ quyết toán: 65 dự án (gồm 17 dự án trong hạn lập báo cáo, 48 dự án chậm nộp báo cáo quyết toán).

- Dự án sử dụng ngân sách do quận huyện quản lý (Trách nhiệm thẩm tra của Phòng Tài chính – Kế hoạch quận huyện thị xã): 1.051 dự án (**Phụ lục 2.2**), trong đó:

+ Dự án đã nộp hồ sơ quyết toán: 323 dự án (gồm 291 dự án trong hạn thẩm tra, 32 dự án chậm phê duyệt quyết toán).

+ Dự án chưa nộp hồ sơ quyết toán: 639 dự án (gồm 508 dự án trong hạn lập báo cáo, 131 dự án chậm nộp báo cáo quyết toán).

2. Tồn tại, vướng mắc trong công tác quyết toán vốn đầu tư công dự án hoàn thành:

Công tác lập, thẩm tra, phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành trên toàn Thành phố cơ bản đảm bảo quy định, hầu hết các dự án đã tuân thủ đúng quy định về việc quyết toán dự án hoàn thành. Tuy nhiên, vẫn còn một số dự án vẫn còn chậm lập, nộp hồ sơ quyết toán dự án hoàn thành do một số nguyên nhân chủ yếu như sau:

2.1. Đối với các chủ đầu tư:

- Trong quá trình triển khai dự án không kịp thời cập nhật, điều chỉnh dự án, thiết kế dự toán và hoàn thiện các nội dung phát sinh trình cấp có thẩm quyền theo quy định.

- Quá trình triển khai dự án một số chủ đầu tư, dự án chưa thực hiện đúng quy định của pháp luật về quản lý chi phí, đơn giá, định mức, nhất là các định mức đặc thù, định mức mới.

- Một số chủ đầu tư chưa quyết liệt trong tổ chức, chỉ đạo trong công tác quyết toán; chưa nêu cao trách nhiệm của người đứng đầu, chưa thực hiện hết quyền và nghĩa vụ của chủ đầu tư theo quy định và các điều khoản đã cam kết theo hợp đồng với các nhà thầu.

2.2. Đối với các nhà thầu:

- Một số nhà thầu chưa quan tâm và phối hợp với chủ đầu tư trong việc lập quyết toán A-B, không thực hiện lập và cung cấp hồ sơ theo quy định để thực hiện

quyết toán dự án hoàn thành.

- Một số nhà thầu thay đổi bộ máy hoặc phá sản, không còn năng lực hoặc chuyển đổi mô hình sản xuất kinh doanh, không có cơ quan đầu mối để lập hồ sơ quyết toán.

- Một số đơn vị nhà thầu đã giải thể hoặc không phối hợp để giải quyết hồ sơ quyết toán, dẫn đến chây ì, kéo dài việc quyết toán, chủ đầu tư khó khăn trong việc lập hồ sơ quyết toán A-B.

2.3. Nguyên nhân khác:

- Dự án chuyển giao qua một số chủ đầu tư, công tác bàn giao, theo dõi, quản lý hồ sơ dự án không tốt dẫn đến thất lạc hồ sơ, một số cán bộ trực tiếp tham gia dự án đã chuyển công tác, nghỉ việc... nên công tác lập hồ sơ quyết toán khó khăn.

- Một số chủ đầu tư, nhà thầu còn kiến nghị, không thống nhất với kết luận, kiến nghị của cơ quan thanh tra, kiểm toán dẫn đến chủ đầu tư còn chậm lập hồ sơ quyết toán gửi cơ quan thẩm tra phê duyệt.

3. Đề xuất và kiến nghị về công tác quyết toán vốn đầu tư công dự án hoàn thành:

Để nâng cao chất lượng công tác quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành trên địa bàn Thành phố, Sở Tài chính tham mưu UBND Thành phố kiến nghị Bộ Tài chính:

- Tăng cường kiểm tra, hướng dẫn, tập huấn công tác quyết toán dự án hoàn thành ở địa phương.

- Nghiên cứu cơ chế kiểm soát chặt chẽ trong khâu thanh toán vốn để hạn chế việc giải ngân thanh toán vượt giá trị quyết toán được duyệt.

Sở Tài chính kính báo cáo UBND Thành phố tình hình quyết toán dự án hoàn thành sử dụng vốn đầu tư công trên địa bàn Thành phố năm 2024 và dự thảo Văn bản UBND Thành phố báo cáo Bộ Tài chính theo quy định tại Nghị định số 99/2021/NĐ-CP ngày 11/11/2021 của Chính phủ quy định về quản lý, thanh toán, quyết toán sử dụng vốn đầu tư và Thông tư số 96/2021/TT-BTC ngày 11/11/2021 của Bộ Tài chính quy định về hệ thống biểu mẫu sử dụng trong công tác quyết toán (đính kèm).

Kính trình UBND Thành phố xem xét, ký duyệt./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Ban Giám đốc Sở;
- Các phòng, ban đơn vị thuộc Sở;
- Lưu: VT, TCĐT_{T.Trình}.

GIÁM ĐỐC

Nguyễn Xuân Lưu

Phụ lục 1.1

TỔNG HỢP DỰ ÁN HOÀN THÀNH SỬ DỤNG VỐN ĐẦU TƯ CÔNG CẤP THÀNH PHỐ ĐÃ PHÊ DUYỆT QUYẾT TOÁN

(Kèm theo Văn bản số /STC-TCĐT ngày /01/2025 của Sở Tài chính)

Đơn vị tính: tỷ đồng

STT	Danh mục dự án	Số dự án	Tổng mức đầu tư	Giá trị đề nghị quyết toán	Giá trị quyết toán được duyệt	Chênh lệch
A	Tổng cộng	105	7.079,70	5.932,87	5.918,37	14,50
1	Nhóm A	1	470,96	382,01	380,82	1,19
2	Nhóm B	25	4.350,66	3.576,77	3.569,70	7,09
3	Nhóm C	79	2.258,08	1.974,08	1.967,85	6,23
B	Chi tiết theo đơn vị cấp dưới:					
1	Ban Quản lý dự án ĐTXD công trình giao thông thành phố Hà Nội	16	1.497,28	1.025,26	1.023,73	1,53
	Nhóm B	4	1.281,58	917,07	915,81	1,25
	Đầu tư xây dựng cầu Ái Mỗ, quốc lộ 21, thị xã Sơn Tây	1	122,827	82,252	82,067	0,185
	Xây dựng tuyến đường nối từ trường Đại học Mỏ - Địa chất vào khu công nghiệp Nam Thăng Long	1	196,312	146,461	146,341	0,120
	Dự án đầu tư xây dựng cầu vượt nút giao giữa đường Hoàng Quốc Việt và đường Nguyễn Văn Huyền (Vành đai 2,5)	1	560,280	384,710	383,918	0,792
	XD hoàn chỉnh theo quy hoạch nút giao đường VĐ 3 với đường ô tô cao tốc Hà Nội - Hải phòng	1	402,161	303,642	303,485	0,157
	Nhóm C	12	215,70	108,19	107,92	0,27
	Xây dựng cầu vượt đi bộ qua đường Nguyễn Văn Cừ 1, quận Long Biên	1	5,054	4,358	4,358	0,000
	Xây dựng cầu vượt cho người đi bộ qua đường Nguyễn Văn Cừ 3	1	5,592	4,585	4,585	0,000
	Xây dựng cầu Tri Lễ, huyện Thanh Oai	1	15,473	10,667	10,631	0,036
	Đầu tư xây dựng cầu vượt cho người đi bộ qua đường Quốc lộ 32 (thôn Lai Xá), huyện Hoài Đức	1	5,651	4,536	4,536	0,000
	Xây dựng đường Ngọc Khánh - Đê Bưởi - Nghĩa Đô (đoạn từ Hoàng Quốc Việt - Bảo Tàng dân tộc học)	1	29,514	12,319	12,319	0,000
	Xây dựng cầu vượt cho người đi bộ qua đường Lê Đức Thọ (ngõ 63) quận Nam Từ Liêm	1	4,636	3,436	3,421	0,015
	Dự án cầu vượt cho người đi bộ tại trước tòa nhà HH1A, HUD3, CT5-X2 trong khu đô thị Bắc Linh Đàm, Hoàng Mai	1	3,912	3,522	3,522	0,000
	Xây dựng cầu vượt cho người đi bộ qua đường Trần Hữu Dực (ngõ 6), quận Nam Từ Liêm	1	4,912	3,566	3,556	0,010
	Xây dựng cầu Hoàng Thanh - CBĐT dừng theo VB 4199 ngày 12/12/2023	1	0,556	0,240	0,240	0,000
	Dự án dừng thực hiện - Cải tạo, mở rộng cầu Trung Tự kết hợp chỉnh trang tuyến đường Phạm Ngọc Thạch (đoạn từ cầu Trung Tự đến nút giao Lương Đình Cửa)	1	37,044	0,652	0,634	0,018
	Cải tạo nút giao đường Chùa Bộc - Phạm Ngọc Thạch	1	49,767	35,310	35,278	0,032

STT	Danh mục dự án	Số dự án	Tổng mức đầu tư	Giá trị đề nghị quyết toán	Giá trị quyết toán được duyệt	Chênh lệch
	Dự án cầu Phú Thứ	1	53,585	25,000	24,838	0,162
2	Ban Quản lý dự án ĐTXD công trình dân dụng thành phố Hà Nội	21	1.845,54	1.660,13	1.657,47	2,67
	Nhóm A	1	470,96	382,01	380,82	1,19
	Xây dựng khu TĐC Nam Trung Yên - Phần đầu tư xây dựng HTKT (thuộc dự án phát triển giao thông Hà Nội - Giai đoạn 1)	1	470,960	382,009	380,822	1,187
	Nhóm B	10	1.166,44	1.092,12	1.090,97	1,15
	Xây dựng trụ sở làm việc Công an huyện Đan Phượng thuộc Công an thành phố Hà Nội	1	98,501	98,141	98,059	0,082
	Dự án sửa chữa, bảo trì khu trung hòa nhân chính, trung yên, hạ đình, mễ tri hạ (26 vị trí)	1	67,174	63,646	63,638	0,008
	Dự án ĐTXD trụ sở công an huyện Ba Vì thuộc Công an thành phố Hà Nội	1	59,296	53,541	53,320	0,221
	Dự án ĐTXD trụ sở công an quận Hà Đông thuộc Công an thành phố Hà Nội	1	85,636	80,631	80,487	0,144
	Dự án ĐTXD trụ sở công an huyện Phú Xuyên thuộc Công an thành phố Hà Nội	1	82,210	78,250	78,228	0,022
	Dự án nâng cấp, đầu tư Hệ thống khí y tế tại các Bệnh viện trực thuộc Sở Y Tế	1	52,814	39,420	39,067	0,353
	Xây dựng Nhà B công an Thành phố	1	173,156	163,108	163,080	0,028
	Xây dựng trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Trì	1	47,547	45,893	45,852	0,041
	Cải tạo các phòng họp, phòng làm việc, nhà ăn tại trụ sở UBND Thành phố	1	85,130	78,016	77,935	0,081
	Dự án nâng cấp bệnh viện đa khoa huyện Đông Anh	1	414,972	391,471	391,299	0,172
	Nhóm C	10	208,14	186,01	185,68	0,33
	Xây dựng hệ thống PCCC 05 nhà chung cư tái định cư Đền Lừ (nhà A, B, C, E), quận Hoàng Mai và 94B Nguyễn Khánh Toàn, Cầu Giấy	1	21,456	17,371	17,370	0,001
	Sửa chữa, bảo trì, lắp đặt bổ sung, thay thế linh kiện thiết bị và phương tiện PCCC đã được trang bị và lắp đặt theo thiết kế ban đầu tại các chung cư tái định cư khu đô thị Nam Trung Yên, khu đô thị mới Yên Hòa - GĐ1 (18 vị trí)	1	30,986	26,687	26,605	0,082
	Xây dựng trụ sở làm việc Công an huyện Quốc Oai thuộc Công an thành phố Hà Nội	1	36,808	33,676	33,590	0,086
	Cải tạo, sửa chữa chống xuống cấp Trung tâm điều dưỡng người có công số 1 Hà Nội	1	28,400	26,700	26,675	0,025
	Cải tạo, nâng cấp trường mầm non B, quận Hoàn Kiếm	1	27,404	24,285	24,271	0,014
	Xây dựng trụ sở Viện kiểm sát nhân dân huyện Ba Vì	1	18,440	16,393	16,338	0,055

STT	Danh mục dự án	Số dự án	Tổng mức đầu tư	Giá trị đề nghị quyết toán	Giá trị quyết toán được duyệt	Chênh lệch
	Xây dựng trụ sở làm việc đồn công an Thủy Xuân Tiên, huyện Chương Mỹ thuộc công an thành phố	1	7,618	7,192	7,192	0,000
	Xây dựng trụ sở làm việc đồn công an Viên An, huyện Ứng Hòa thuộc công an thành phố	1	6,760	6,255	6,255	0,000
	Xây dựng trụ sở viện kiểm sát nhân dân quận Hai Bà Trưng	1	19,907	18,370	18,303	0,067
	Xây dựng trụ sở làm việc công an Phường Yên Nghĩa, Quận Hà Đông, thuộc công an thành phố Hà Nội	1	10,361	9,079	9,079	0,000
3	Ban Quản lý dự án ĐTXD công trình HTKT và Nông nghiệp thành phố Hà Nội	3	175,94	148,45	148,35	0,10
	Nhóm C	3	175,94	148,45	148,35	0,10
	Cải tạo, nâng cấp trạm bơm tiêu Cao Xuân Dương, huyện Thanh Oai	1	76,155	56,948	56,867	0,081
	Cải tạo, nâng cấp trạm bơm An Mỹ 1, huyện Mỹ Đức	1	74,260	68,168	68,149	0,019
	Đầu tư xây dựng trạm quan trắc môi trường tự động, liên tục tại khu xử lý chất thải Xuân Sơn, thị xã Sơn Tây	1	25,522	23,333	23,333	0,000
4	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	23	1.091,03	1.026,47	1.023,11	3,36
	Nhóm B	1	182,63	149,13	148,95	0,19
	Tu bổ, nâng cấp đê bao hữu Bùi, huyện Chương Mỹ	1	182,630	149,134	148,945	0,189
	Nhóm C	22	908,40	877,34	874,16	3,17
	XLCB khắc phục tình trạng sạt lở bờ sông Hồng đoạn tương ứng từ K0+200 đến K0+300 đê hữu Hồng, thuộc địa bàn xã Thái Hòa, huyện Ba Vì	1	34,041	33,307	33,267	0,040
	Xử lý cấp bách khắc phục sự cố sạt lở bờ tả sông Bùi đoạn qua địa bàn xã Quảng Bị, huyện Chương Mỹ, thành phố Hà Nội	1	46,296	43,890	43,845	0,045
	Xử lý cấp bách khắc phục sự cố sạt lở bờ sông Bùi, sông Đáy đoạn đi qua địa bàn xã Phúc Lâm, huyện Mỹ Đức, thành phố Hà Nội.	1	35,209	34,100	34,072	0,028
	Xử lý cấp bách khắc phục sự cố sạt lở bờ hữu sông Bùi đoạn qua địa bàn xã Hồng Phong, huyện Chương Mỹ.	1	26,154	24,655	24,542	0,113
	XLCB khắc phục sự cố sạt lở bờ tả sông Bùi đoạn qua địa bàn xã Đồng Phú, huyện Chương Mỹ	1	42,439	40,127	40,018	0,109
	XLCB khắc phục tình trạng sạt lở bờ hữu sông Đà đoạn tương ứng từ K3+150 đến K3+430 và từ K3+760 đến K4+100 đê hữu Đà thuộc địa bàn xã Sơn Đà, huyện Ba Vì	1	38,080	37,080	36,921	0,159
	Xử lý khẩn cấp khắc phục sự cố lún mặt đê và sụt cơ thượng lưu đê Tả Hồng tại xã Tráng Việt, huyện Mê Linh	1	6,146	5,368	5,367	0,001
	Xử lý khẩn cấp khắc phục sự cố sạt lở bờ sông Đáy đoạn quan khu dân cư các xã Hòa Nam, Hòa Phú, huyện Ứng Hòa	1	69,396	65,992	65,968	0,024

STT	Danh mục dự án	Số dự án	Tổng mức đầu tư	Giá trị đề nghị quyết toán	Giá trị quyết toán được duyệt	Chênh lệch
	Xử lý khẩn cấp khắc phục sự cố sạt lở kè Cẩm Đình đoạn tương ứng từ K0+200 đến K1+300 đê Vân Cốc, xã Xuân Đình, huyện Phúc Thọ.	1	64,002	60,936	60,914	0,022
	XLCB khắc phục tình trạng sạt lở kè Xâm Thị tương ứng từ K86+389 đến K87+500 đê hữu Hồng, xã Ninh Sở, huyện Thường Tín	1	78,000	75,770	75,770	0,000
	Xử lý khẩn cấp khắc phục tình trạng sạt lở bờ hữu sông Hồng đoạn tương ứng từ K24+800 đến K26+000 đê hữu Hồng thuộc địa bàn xã Đông Quang và xã Cam Thượng, huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội.	1	78,110	74,040	73,980	0,060
	Cấp nước sạch liên xã Hiền Giang, Tiền Phong, Nguyễn Trãi, Tân Minh, Nghiêm Xuyên (dự án dừng thực hiện)	1	8,450	8,450	8,450	0,000
	Cấp nước sạch liên xã Phương Trung, Kim thư, Đỗ Động, Kim An, huyện Thanh Oai (dự án dừng thực hiện)	1	7,804	7,804	7,804	0,000
	Xử lý khẩn cấp khắc phục tình trạng sạt lở kè Phong Vân đoạn tương ứng từ K2+500 đến K3+300 đê hữu Hồng, trên địa bàn xã Phong Vân, huyện Ba Vì	1	79,000	75,623	75,623	0,000
	Xử lý khẩn cấp khắc phục tình trạng sạt lở kè Yên Phú tương ứng từ K4+200 đến K4+800 đê tả Cà Lò, xã Xuân Thu, huyện Sóc Sơn	1	34,973	33,291	31,290	2,001
	Xử lý khẩn cấp khắc phục tình trạng sạt lở tương ứng từ K12+540 đến K13+000 đê tả Đuống, xã Dương Hà, huyện Gia Lâm	1	25,740	24,457	24,439	0,018
	Xử lý khẩn cấp khắc phục tình trạng sạt lở kè Linh Chiểu đoạn tương ứng từ K31+980 đến K32+215 đê hữu Hồng và Kè Phương Độ đoạn tương ứng từ K34+800 đến K35+500 đê hữu Hồng, huyện Phúc Thọ	1	70,000	69,846	69,883	-0,037
	Xử lý khẩn cấp khắc phục tình trạng sạt lở bờ hữu sông Đà trên địa bàn thôn Phú Thứ và thôn Khánh Trúc, xã Khánh Thượng, huyện Ba Vì	1	78,000	77,971	77,943	0,028
	Xử lý cấp bách sự cố mạch đùn, mạch sùi cống Cẩm Đình, huyện Phúc Thọ, thành phố Hà Nội	1	41,990	41,790	41,718	0,072
	Cấp nước sạch liên xã Thụy Phú, Hồng Thái, Nam Phong, Văn Nhân (dự án dừng thực hiện)	1	9,628	9,628	9,200	0,428
	Xử lý khẩn cấp khắc phục tình trạng sạt lở kè Sơn Tây trên địa bàn xã Đường Lâm, thị xã Sơn Tây	1	5,835	5,490	5,490	0,000
	Xử lý khẩn cấp khắc phục tình trạng lún, sụt, sạt lở bờ hữu sông Hồng, đoạn tương ứng từ K67+300 đến K67+870 đê hữu Hồng, quận Hoàn Kiếm	1	29,107	27,721	27,659	0,062
5	UBND quận Long Biên	1	187,79	152,54	152,13	0,40
	Nhóm B	1	187,79	152,54	152,13	0,40
	Xây dựng tuyến đường 25m từ đê sông Đuống đến tuyến đường quy hoạch mặt cắt ngang 40m (tiếp giáp với trường Alexander Yersin) tại phường Ngọc Thụy)	1	187,792	152,535	152,134	0,401
6	UBND quận Nam Từ Liêm	1	175,02	130,12	130,06	0,06
	Nhóm B	1	175,02	130,12	130,06	0,06
	Xây dựng trường THPT Mỹ Đình	1	175,018	130,115	130,058	0,057
7	UBND huyện Ba Vì	7	408,98	367,03	366,03	1,01

STT	Danh mục dự án	Số dự án	Tổng mức đầu tư	Giá trị đề nghị quyết toán	Giá trị quyết toán được duyệt	Chênh lệch
	Nhóm B	2	252,76	234,55	233,85	0,70
	Đường tránh quốc lộ 32 (đoạn qua thị trấn Tây Đằng)	1	151,706	136,392	135,781	0,611
	Xây dựng, cải tạo mở rộng trường phổ thông dân tộc nội trú huyện Ba Vì	1	101,057	98,154	98,068	0,086
	Nhóm C	5	156,22	132,48	132,18	0,31
	Xây dựng vùng rau an toàn tập trung xã Minh Châu, huyện Ba Vì	1	33,928	27,980	27,955	0,025
	Xây dựng vùng rau an toàn tập trung thị trấn Tây Đằng, huyện Ba Vì	1	29,450	20,547	20,526	0,021
	Xây dựng vùng rau an toàn tập trung xã Chu Minh, huyện Ba Vì	1	14,941	10,062	10,019	0,043
	Xây dựng, cải tạo trường THPT Bất Bạt	1	40,000	38,200	38,071	0,129
	Xây dựng, mở rộng trường THPT Ngô Quyền, huyện Ba Vì	1	37,900	35,695	35,605	0,090
8	UBND huyện Chương Mỹ	1	11,33	10,65	10,59	0,06
	Nhóm C	1	11,33	10,65	10,59	0,06
	XLCB sạt lở đê bao xã Trần Phú	1	11,329	10,654	10,594	0,060
9	UBND huyện Đan Phượng	1	111,97	98,18	97,92	0,26
	Nhóm B	1	111,97	98,18	97,92	0,26
	Xây dựng trường THPT Thọ Xuân, huyện Đan Phượng	1	111,970	98,181	97,922	0,259
10	UBND huyện Mê Linh	2	382,34	259,90	258,30	1,59
	Nhóm B	1	337,84	216,33	214,84	1,49
	Dự án Xây dựng tuyến đường từ Trung tâm hành chính đi TTVHTT huyện Mê Linh (giai đoạn 1)	1	337,840	216,331	214,844	1,487
	Nhóm C	1	44,50	43,57	43,46	0,11
	Cải tạo, nâng cấp trường THPT Tiến Thịnh, huyện Mê Linh	1	44,500	43,567	43,459	0,108
11	UBND huyện Mỹ Đức	4	172,88	162,76	162,01	0,75
	Nhóm B	1	87,23	79,00	78,62	0,38
	Cải tạo, nâng cấp đường tỉnh lộ 424 (76 cũ) từ Chợ Bến - Hòa Bình đến khu du lịch Quan Sơn (Km2+000+Lm3+800) huyện Mỹ Đức	1	87,227	79,004	78,621	0,383
	Nhóm C	3	85,65	83,76	83,39	0,36
	Xây dựng trạm bơm Cầu Đò - Chân Chim, huyện Mỹ Đức	1	54,204	53,407	53,131	0,276
	XLCB sạt lở bờ sông Đáy, thôn Tiên Mai, xã Hương Sơn	1	24,229	23,570	23,509	0,061
	Kè chống sạt lở đê hữu Đáy đoạn cầu phao Áng Hạ, xã Lê Thanh, huyện Mỹ Đức, thành phố Hà Nội	1	7,220	6,780	6,753	0,027
12	UBND huyện Quốc Oai	1	19,70	19,55	19,50	0,05
	Nhóm C	1	19,70	19,55	19,50	0,05

STT	Danh mục dự án	Số dự án	Tổng mức đầu tư	Giá trị đề nghị quyết toán	Giá trị quyết toán được duyệt	Chênh lệch
	XLCB sự cố đê bồi Tuyệt Nghĩa từ thôn Muôn đến Cầu Phú Cát tuyến đê Bồi Minh Khai đi thôn Muộn thuộc xã Tuyệt Nghĩa, Cần Hữu	1	19,700	19,549	19,497	0,052
13	UBND huyện Thanh Trì	1	248,83	201,31	200,17	1,14
	Nhóm B	1	248,83	201,31	200,17	1,14
	Xây dựng tuyến đường nối đường 70 chạy dọc mương Hòa Bình, huyện Thanh Trì	1	248,833	201,307	200,165	1,142
14	UBND thị xã Sơn Tây	1	119,57	118,11	118,06	0,05
	Nhóm B	1	119,57	118,11	118,06	0,05
	Trung tâm văn hóa thể thao thị xã Sơn Tây	1	119,573	118,110	118,055	0,055
15	Bộ tư lệnh Thủ đô	1	199,00	188,33	188,33	0,00
	Nhóm B	1	199,00	188,33	188,33	0,00
	Mua sắm thiết bị cứu hộ, cứu nạn, cứu sập đổ công trình của đại đội PCCC, phòng hóa/Bộ tham mưu và tiểu đoàn 5/Trung đoàn 692/sư đoàn bộ binh 301/Bộ Tư lệnh thủ đô	1	199,000	188,328	188,328	0,000
16	Viện Quy hoạch xây dựng	16	37,66	31,50	31,50	0,00
	Nhóm C	16	37,66	31,50	31,50	0,00
	Quyết toán đồ án: quy hoạch phân khu đô thị Xuân Mai (khu 1), tỷ lệ 1/2000	1	3,995	3,238	3,238	0,000
	Quyết toán đồ án: quy hoạch phân khu đô thị Xuân Mai (khu 2), tỷ lệ 1/2000	1	3,802	3,089	3,089	0,000
	Quyết toán đồ án: quy hoạch phân khu đô thị Xuân Mai (khu 3), tỷ lệ 1/2000	1	6,279	5,301	5,301	0,000
	Quy hoạch chung không gian xây dựng ngầm đô thị trung tâm - thành phố Hà Nội đến năm 2030 tầm nhìn đến năm 2050, tỷ lệ 1/10.000	1	4,633	4,153	4,153	0,000
	Quy hoạch chung đô thị Hòa Lạc - thành phố Hà Nội đến năm 2030, tỷ lệ 1/10.000	1	7,492	6,378	6,378	0,000
	Quy hoạch phân khu đô thị GN(A), tỷ lệ 1/5000	1	1,964	1,669	1,669	0,000
	Quy hoạch phân khu đô thị sông Đuống (R6), tỷ lệ 1/5000	1	2,715	2,387	2,387	0,000
	Điều chỉnh cục bộ QHC xây dựng Thủ đô (Khu vực trung tâm hội chợ triển lãm quốc gia tại huyện Đông Anh - Hà Nội)	1	0,302	0,279	0,279	0,000
	Điều chỉnh cục bộ Quy hoạch chung xây dựng thủ đô đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2050, tỷ lệ 1/10.000 (phần quy hoạch sử dụng đất tại khu vực dự án khu đô thị mới Tây Mỗ, Đại Mỗ quận Nam Từ Liêm) và định hướng hạ tầng kỹ thuật tại khu đô thị An Khánh D3	1	0,218	0,188	0,188	0,000
	Điều chỉnh cục bộ QHC xây dựng thủ đô đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2050 (Phần Quy hoạch sử dụng đất tại khu vực dự án Khu đô thị Gia Lâm, huyện Gia Lâm và định hướng hạ tầng kỹ thuật tại khu vực Yên Viên - Long Biên - Gia Lâm (C3, C4)	1	0,236	0,203	0,203	0,000
	Điều chỉnh cục bộ Quy hoạch phân khu đô thị GN và N8, tỷ lệ 1/5000 khu vực cây xanh hồ Phương Trạch và đô thị, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội.	1	0,503	0,503	0,503	0,000

STT	Danh mục dự án	Số dự án	Tổng mức đầu tư	Giá trị đề nghị quyết toán	Giá trị quyết toán được duyệt	Chênh lệch
	Lập Nhiệm vụ Điều chỉnh tổng thể QHC xây dựng thủ đô Hà Nội đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2050 (nay là Lập Nhiệm vụ Điều chỉnh Quy hoạch chung Thủ đô Hà Nội đến năm 2045, tầm nhìn đến năm 2065).	1	1,400	1,400	1,400	0,000
	Điều chỉnh cục bộ ô Quy hoạch phân khu đô thị S3, tỷ lệ 1/5000 tại ô quy hoạch ký hiệu D-3 (phục vụ dự án đầu tư xây dựng vị trí đóng quân mới cho Trung đoàn bộ binh 692 thuộc sư đoàn bộ binh 301 - Bộ Tư lệnh Thủ đô Hà Nội)	1	0,098	0,098	0,098	0,000
	Quy hoạch chi tiết xây dựng khu nghĩa trang huyện Thạch Thất, tỷ lệ 1/500	1	1,775	1,185	1,185	0,000
	Quy hoạch chi tiết xây dựng khu đất để đấu giá tại xã Vân Tào, huyện Thường Tín, tỷ lệ 1/500	1	1,125	0,889	0,889	0,000
	Quy hoạch chi tiết xây dựng khu đất để đấu giá tại xã Vạn Điểm, huyện Thường Tín, tỷ lệ 1/500	1	1,120	0,536	0,536	0,000
17	Đài phát thanh và truyền hình Hà Nội	1	3,13	1,84	1,84	0,00
	Nhóm C	1	3,13	1,84	1,84	0,00
	Dự án dừng thực hiện - Xây dựng Trung tâm truyền hình đài phát thanh và truyền hình Hà Nội tại xã Mỹ Trì, huyện Từ Liêm (GD1)	1	3,130	1,840	1,840	0,000
18	Sở Xây dựng (TT KHTK Thành phố)	2	101,75	100,43	100,35	0,08
	Nhóm C	2	101,75	100,43	100,35	0,08
	Xây dựng hồ chứa sinh học khẩn cấp phục vụ công tác vận hành tại khu đất xen kẹt 10,5ha khu phía bắc giai đoạn II, Khu liên hợp xử lý chất thải Nam Sơn, huyện Sóc Sơn	1	42,265	41,670	41,623	0,047
	Xây dựng theo lệnh khẩn cấp danh mục công trình: phục vụ nâng công suất tiếp nhận rác tại khu liên hợp xử lý chất thải Nam Sơn, huyện Sóc Sơn, Hà Nội	1	59,488	58,758	58,727	0,031
19	Trung tâm bảo tồn di sản Thăng Long – Hà Nội	1	2,41	0,63	0,57	0,06
	Nhóm C	1	2,41	0,63	0,57	0,06
	Bảo tồn, tôn tạo và phát huy giá trị Khu di tích Hoàng Thành Thăng Long – Hà Nội (dự án dừng thực hiện)	1	2,414	0,630	0,568	0,062
20	Ban phục vụ lễ tang hà nội	1	287,55	228,88	228,37	0,51
	Nhóm C	1	287,55	228,88	228,37	0,51
	cải tạo, nâng cấp để chuyển đổi nhiệm vụ Nghĩa trang Văn Điển	1	287,547	228,881	228,373	0,508

Phụ lục 1.2

TỔNG HỢP DỰ ÁN HOÀN THÀNH SỬ DỤNG VỐN ĐẦU TƯ CÔNG CẤP THÀNH PHỐ CHƯA PHÊ DUYỆT QUYẾT TOÁN

(Kèm theo Văn bản số /STC-TCĐT ngày /01/2025 của Sở Tài chính)

a) Dự án hoàn thành đang thẩm tra hồ sơ quyết toán

Đơn vị tính: tỷ đồng

STT	Danh mục dự án	Nhóm DA	Tổng số	Dự án trong thời hạn thẩm tra, phê duyệt quyết toán			Dự án vi phạm thời hạn thẩm tra, phê duyệt quyết toán		
				Số dự án	Tổng mức đầu tư	Tổng đề nghị quyết toán	Số dự án	Tổng mức đầu tư	Tổng đề nghị quyết toán
(1)	(2)	(3)	(4)=(5)+(8)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
A	Tổng số		34	34	12.467,6	9.992,3	0	0	0
	Nhóm A		5	5	6.964,7	5.660,0			
	Nhóm B		14	14	4.900,1	3.831,3			
	Nhóm C		15	15	602,8	501,0			
B	Chi tiết theo đơn vị cấp dưới								
1	BAN QLDA ĐTXD công trình giao thông Thành phố Hà Nội		5	5	3.333,94	3.235,61			
	Dự án đường 5 kéo dài	A		1	1.472,0				
	Hạng mục xây dựng đường					1.191,8			
	Hạng mục di chuyển Trạm bơm Gia Thượng, di chuyển đường ống cấp nước, hạng mục tuyến ống truyền dẫn nước, di chuyển đường ống xăng dầu					252,17			
	Hạng mục di chuyển di chuyển đường dây cao thế, trung thế và trạm biến áp; di chuyển hệ thống thông tin bưu điện					28,05			
	Dự án Phát triển giao thông đô thị HN (Hợp phần đường VĐ 2 và CBĐT)	A		1	1.411,2	1.411,2			
	Xây dựng cầu vượt nút giao Nam Hồng với tuyến đường Mai Dịch - Nội Bài	B		1	305,8	226,2			
	Xây dựng Cầu Ngọc Hồi	B		1	111,4	92,7			
	XD khu tái định cư Xuân Canh (QT hạng mục di chuyển ngầm nổi và tư vấn)	C		1	33,5	33,5			
2	Ban QLDA ĐTXD công trình hạ tầng kỹ thuật và nông nghiệp thành phố Hà Nội		6	6	525,24	406,35			
	Gói thầu CP6.4: Cải tạo hồ Ngọc Khánh, lắp đặt 03 trạm bơm, cải tạo kênh xả của trạm bơm Yên Sở - thuộc dự án Thoát nước nhằm cải tạo môi trường Hà Nội - Dự án II	A		1	107,9	106,0			
	Kiên cố hóa, kết hợp giao thông kênh chính trạm bơm La Khê, quận Hà Đông	B		1	146,4	124,9			
	Kè bờ tả sông Đuống đoạn thượng và hạ lưu cầu Đuống huyện Gia Lâm và huyện Đông Anh	B		1	103,9	63,3			
	Cải tạo, nâng cấp hệ thống kênh tiêu trạm bơm Phú Thọ, huyện Phúc Thọ và Thạch Thất	C		1	69,7	48,0			
	xây dựng mới trạm bơm Lại Thượng thay thế nhiệm vụ trạm bơm Lại Thượng 1,2 huyện Thạch Thất	C		1	93,7	60,5			

STT	Danh mục dự án	Nhóm DA	Tổng số	Dự án trong thời hạn thẩm tra, phê duyệt quyết toán			Dự án vi phạm thời hạn thẩm tra, phê duyệt quyết toán		
				Số dự án	Tổng mức đầu tư	Tổng đề nghị quyết toán	Số dự án	Tổng mức đầu tư	Tổng đề nghị quyết toán
	đầu tư xây dựng cụm công trình đầu mối Liên Mạc, huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội (giai đoạn I) - dự án dừng thực hiện	C		1	3,7	3,7			
3	Ban QLDA ĐTXD công trình dân dụng thành phố Hà Nội		11	11	6.245,33	4.394,57			
	Dự án tăng cường an toàn giao thông hợp phần Hà Nội	A		1	197,7	196,6			
	Phát triển cơ sở hạ tầng đô thị Bắc Thăng Long - Vân tri	A		1	3.775,9	2.474,2			
	Mở rộng và nâng cấp Bệnh viện đa khoa huyện Ba Vi đạt tiêu chuẩn bệnh viện hạng II	B		1	640,47	549,78			
	Xây dựng trụ sở đội Cảnh sát phòng cháy và chữa cháy số 8 (Hoàng Mai) thuộc Công an thành phố Hà Nội	B		1	38,84	35,71			
	Đầu tư nâng cấp bệnh viện Thanh Nhân giai đoạn II	B		1	665,66	362,54			
	Dự án Cải tạo Bệnh viện Xanh Pôn và xây dựng nhà điều trị Nội khoa (nhà khoa nhi)	B		1	84,50	78,65			
	Xây dựng Cảng du lịch Bát Tràng - Gia Lâm	C		1	37,1	34,5			
	Xây dựng trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố	B		1	711,10	574,12			
	Xây dựng, cải tạo Trường THPT Yên Lãng, huyện Mê Linh	B		1	57,22	53,80			
	Xây dựng trụ sở Viện kiểm sát nhân dân huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội	C		1	29,43	27,54			
	Xây dựng trụ sở công an Đường Lâm, thuộc Công an TP Hà Nội	C		1	7,5	7,1			
4	UBND quận Long Biên		2	2	1.555,53	1.215,81			
	Xây dựng tuyến đường nối từ đường Nguyễn Văn Cừ tới đê Tả ngạn sông Hồng	B		1	985,5	693,910			
	Xây dựng nhà tái định cư phụ vụ di dân GPMB của Thành phố tại phường Thượng Thanh	B		1	570,0	521,896			
5	UBND quận Bắc Từ Liêm		4	4	406,2	385,3			
	Xây dựng trụ sở quận ủy, HĐND, UBND quận Bắc Từ Liêm	B		1	370,9	354,189			
	Xây dựng trạm y tế phường Xuân Tảo	C		1	13,0	11,900			
	Xây dựng trạm y tế phường Đức Thắng	C		1	12,2	10,100			
	Xây dựng trạm y tế phường Cổ Nhuế 1	C		1	10,1	9,150			
6	UBND huyện Ba Vi		3	3	180,2	168,3			

STT	Danh mục dự án	Nhóm DA	Tổng số	Dự án trong thời hạn thẩm tra, phê duyệt quyết toán			Dự án vi phạm thời hạn thẩm tra, phê duyệt quyết toán		
				Số dự án	Tổng mức đầu tư	Tổng đề nghị quyết toán	Số dự án	Tổng mức đầu tư	Tổng đề nghị quyết toán
	Xử lý khẩn cấp khắc phục các sự cố: Sạt lở chân kè Thuần Mỹ đoạn tương ứng từ K0+700 đến K1+300 đê hữu Đà, xã Thuần Mỹ; sạt lở bờ hữu sông Đà thôn Phú Nhiêu, xã Thái Hoà đoạn từ bến phà cũ đến trạm bơm Đồng Cống và đoạn từ cuối kè Thái Hoà đến bến phà quân sự; sạt lở bờ hữu sông Hồng đoạn tương ứng từ K1+050 đến K1+400 đê hữu Hồng, thôn Trung Hà, xã Thái Hoà, huyện Ba Vì	C		1	62,1	60,009			
	Xử lý khẩn cấp khắc phục tình trạng sạt lở bờ sông Hồng đoạn tương ứng từ K22+200 đến K22+900 đê hữu Hồng, trên địa bàn xã Minh Châu, huyện Ba Vì	C		1	48,1	43,301			
	Xử lý khẩn cấp khắc phục tình trạng sạt lở bờ kè Phú Châu đoạn tương ứng từ K18+800 đến K19+900 đê Hữu Hồng trên địa bàn xã Phú Châu, huyện Ba Vì	C		1	70,0	65,013			
7	UBND huyện Quốc Oai		1	1	108,5	99,7			
	Trường THPT Quốc Oai	B		1	108,5	99,666			
8	UBND huyện Phú Xuyên		1	1	62,6	55,3			
	Cải tạo, nâng cấp mặt đê sông Nhuệ (từ bờ hữu cầu Đồng Quan đến cầu Tân Dân và bờ tả cầu Tân Dân đến Cống Thần) thuộc huyện Phú Xuyên	C		1	62,6	55,3			
9	UBND thị xã Sơn Tây		1	1	50,0	31,3			
	Xây dựng HTKT khu tái định cư phục vụ thu hồi đất một số dự án trên địa bàn thị xã Sơn Tây	C		1	50,0	31,3			

STT	Danh mục dự án	Nhóm DA	Tổng số	Dự án trong thời hạn lập báo cáo quyết toán			Dự án vi phạm thời hạn lập báo cáo quyết toán		
				Số dự án	Tổng mức đầu tư	Tổng vốn đã thanh toán	Số dự án	Tổng mức đầu tư	Tổng vốn đã thanh toán
(1)	(2)	(3)	(4)=(5)+(8)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
A	Tổng số		65	17	17.782,4	7.825,2	48	20.801,7	16.901,4
	Nhóm A	A	5	3	10.840,9	6.352,6	2	8.725,2	7.202,9
	Nhóm B	B	40	5	1.800,4	1.316,6	35	11.512,6	9.258,9
	Nhóm C	C	20	9	5.141,1	156,0	11	563,9	439,6
B	Chi tiết theo đơn vị cấp dưới								
1	BAN QLDA ĐTXD công trình giao thông thành phố Hà Nội		18	11	17.547,6	7.651,9	7	9.660,4	7.568,7
	Dự án xây dựng cầu Vĩnh Tuy và tuyến đường hai đầu cầu (giai đoạn 1)	A					1	3.151,8	2.816,9
	Xây dựng cầu Vĩnh Tuy - GD2	A		1	2.538,2	1.836,0			
	Dự án Phát triển giao thông đô thị HN (các hợp phần còn lại và GPMB)	A					1	5.573,4	4.386,0
	Dự án XD đường 5 kéo dài (Quyết toán Hạng mục theo VB số 13040 VP-ĐT ngày 6/12/2022)- Các hạng mục còn lại	A		1	5.189,7	3.660,3			
	Xây dựng đường Vành Đai 3 đoạn Mai Dịch - Nội Bài	A		1	3.113,0	856,3			
	Đầu tư xây dựng đường 418 (82 cũ)	B					1	111,3	101,6
	Xây dựng tuyến đường vành đai 2 đoạn Vĩnh Tuy - Chợ Mơ- Ngã tư Vọng (phần đi bằng)	C		1	4.967,2	42,7			
	Xây dựng đường Cát Linh - La Thành	B					1	322,0	160,8
	Dự án đầu tư xây dựng cải tạo, nâng cấp đường 23B (Hà Nội - Nghĩa trang Thanh Tước) (QT GD 2 qua địa phận huyện Đông Anh)	B					1	401,5	49,4
	Xây dựng cầu 361 (qua sông Tô Lịch)	B					1	87,5	44,3
	XD Khu tái định cư Xuân Canh (quyết toán hạng mục theo VB số 4147/UBND ngày 18/4/2023) - các hạng mục còn lại	B		1	213,6	148,9			
	Hầm chui Lê Văn Lương - Vành Đai 3	B		1	698,2	385,0			
	XD tuyến đường VĐ 3 đi thấp qua hồ Linh Đàm và nhánh kết nối với đường VĐ 3 trên cao	B		1	341,7	274,6			
	XD đường Trần Phú - Kim Mã, VB chấp thuận chủ trương QT số 2919/UBND-ĐT ngày 5/9/2024	B		1	426,2	409,9			
	Xây dựng công trình cầu Là	C					1	12,8	9,7
	Xây dựng, cải tạo nút giao Ô Chợ Dừa - CĐT dừng theo VB 4199 ngày 12/12/2023	C		1	1,9	1,6			
	Xây dựng cầu Nông Lâm	C		1	20,5	12,0			
	Dự án Đầu tư xây dựng cầu Yên Hòa	C		1	37,6	24,7			
2	Ban QLDA đầu tư xây dựng công trình dân dụng thành phố Hà Nội		3				3	2.977,18	2.857,07
	Xây dựng đường Vành đai 2	B					1	2.679,538	2.600,357
	Dự án Cải tạo Bệnh viện Xanh Pôn và xây dựng nhà điều trị Nội khoa (phần còn lại)	B					1	247,519	213,854
	Dự án cải tạo nâng cấp sân vận động Hàng Đẫy	B					1	50,122	42,862
3	BAN QLDA ĐTXD Công trình hạ tầng kỹ thuật và nông nghiệp thành phố Hà Nội		6	0	-	-	6	1.397,1	1.022,3
	Dự án cấp nước Gia Lâm	B					1	533,9	466,6
	Cải tạo, nâng cấp trạm bơm Thanh Diêm, kiên cố hóa bờ kênh trục chính Thanh Diêm kết hợp làm đường giao thông	B					1	195,6	139,1
	Dự án hoàn chỉnh mạng lưới cấp nước quận Tây Hồ	B					1	152,8	97,5
	Cải tạo, nâng cấp kênh tiêu T1-2 và đoạn cuối kênh tiêu T1, huyện Đan Phượng	B					1	395,8	227,6
	Xây dựng hệ thống cấp nước cho khu liên hiệp xử lý chất thải Nam Sơn và vùng ảnh hưởng môi trường của 03 xã Nam Sơn, Bắc Sơn, Hồng Kỳ	C					1	49,4	44,6

STT	Danh mục dự án	Nhóm DA	Tổng số	Dự án trong thời hạn lập báo cáo quyết toán			Dự án vi phạm thời hạn lập báo cáo quyết toán		
				Số dự án	Tổng mức đầu tư	Tổng vốn đã thanh toán	Số dự án	Tổng mức đầu tư	Tổng vốn đã thanh toán
(1)	(2)	(3)	(4)=(5)+(8)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
	Cải tạo, nâng cấp trạm bơm tiêu Cự Thân	C					1	69,7	47,1
4	Sở nông nghiệp và Phát triển nông thôn		5	5	114,03	75,06	0	0	0
	Xử lý khẩn cấp khắc phục tình trạng sạt lở mái đê tả Đáy đoạn từ K51+600 đến K52+200 và đoạn từ K79+420 đến K79+670 thuộc địa bàn xã Sơn Công và xã Đội Bình, huyện Ứng Hòa.	C		1	21,0	20,0			
	Xử lý khẩn cấp khắc phục tình trạng sạt lở mái đê, hư hỏng mặt đê hữu Đáy trên địa bàn xã Đồng Quang, Yên Sơn và thị trấn Quốc Oai, huyện Quốc Oai.	C		1	17,4	13,0			
	Xử lý cấp bách chống sạt lở kè Cỏ Đò tương ứng từ K7+370 (sau mô hàn số 10) đến K7+850 (mô hàn số 12) đê hữu Hồng, xã Cỏ Đò, huyện Ba Vì	C		1	19,3	-			
	Xử lý cấp bách khắc phục tình trạng sạt lở bờ tả sông Đuống đoạn tương ứng từ K4+350 đến K5+050 đê tả Đuống thuộc địa bàn huyện Đông Anh	C		1	13,8	-			
	Xử lý khẩn cấp khắc phục tình trạng sạt lở bờ tả sông Cà Lồ đoạn tương ứng từ K7+400 đến K7+700 và từ K9+100 đến K9+400 đê tả Cà Lồ; sạt lở mái thượng lưu đê tả Cà Lồ đoạn từ K18+800 đến K19+050 và sạt lở mái hạ lưu đê hữu Cầu đoạn từ K26+000 đến K26+300 trên địa bàn huyện Sóc Sơn	C		1	42,5	42,1			
5	UBND quận Long Biên		1				1	1.582,9	1.514,6
	Cải tạo, nâng cấp quốc lộ 1A đoạn Cầu Chui - cầu Đuống (phố Ngô Gia Tự)	B					1	1.582,9	1.514,6
6	UBND huyện Gia Lâm		12	1	120,8	98,3	11	3.156,7	2.454,2
	Xây dựng HTKT khu đất để đấu giá quyền sử dụng đất tại thị trấn Trâu Quỳ và Đặng Xá, huyện Gia Lâm	B					1	292,0	227,3
	Cải tạo, nâng cấp đường dốc Hội - Đại học Nông nghiệp 1	B					1	372,9	356,2
	Xây dựng tuyến đường Đông Dư - Dương Xá	B					1	884,3	693,8
	Dự án tuyến đường Yên Viên - Đình Xuyên - Phù Đổng	B					1	360,3	274,2
	Dự án tuyến đường theo quy hoạch từ đường 179 đến đường gom cao tốc Hà Nội - Hải Phòng	B					1	90,6	66,2
	Xây dựng tuyến đường từ khu đô thị Trâu Quỳ qua đường Đông Dư - Dương Xá đến ga Phú Thị, huyện Gia Lâm	B					1	198,1	127,3
	Xây dựng tuyến đường theo quy hoạch đường Yên Viên - Đình Xuyên - Phù Đổng đến hết địa bàn huyện Gia Lâm	B					1	380,1	229,5
	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường 179 đoạn từ Dốc Lờ đến ngã tư 181, huyện Gia Lâm	B					1	153,8	133,0
	Hoàn chỉnh mặt cắt đê đoạn từ K14+500 đến K15+900 thuộc tuyến đê Tả Đuống, huyện Gia Lâm	C					1	68,4	55,0
	Tu bổ, tôn tạo khu di tích lịch sử Phù Đổng	B					1	87,0	55,3
	Xây dựng trụ sở Huyện Ủy, UBND huyện Gia Lâm	B					1	269,0	236,4
	Xây dựng tuyến đường 30m từ cảng Thông quan nội địa đến đường Nguyễn Đức Thuận	B		1	120,8	98,3			
7	UBND huyện Thạch Thất		3	0	0,0	0,0	3	149,5	132,7
	Nâng cấp, cải tạo đê tả tích lý trình từ K+00 đến K16+500 huyện Thạch Thất	C					1	45,9	39,9
	Trường THPT Phùng Khắc Khoan	B					1	55,9	49,4
	Trường THPT Bắc Lương Sơn	B					1	47,7	43,4
8	UBND huyện Phúc Thọ		1				1	106,3	80,4
	Xây dựng HTKT khu đất đấu giá QSD đất ở đồng Cầu Lọc, xã Ngọc Tảo	C					1	106,3	80,4
9	UBND huyện Quốc Oai		3				3	265,8	221,4
	Trường THPT Phan Huy Chú	B					1	145,6	115,4

STT	Danh mục dự án	Nhóm DA	Tổng số	Dự án trong thời hạn lập báo cáo quyết toán			Dự án vi phạm thời hạn lập báo cáo quyết toán		
				Số dự án	Tổng mức đầu tư	Tổng vốn đã thanh toán	Số dự án	Tổng mức đầu tư	Tổng vốn đã thanh toán
(1)	(2)	(3)	(4)=(5)+(8)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
	Nâng cấp, cải tạo bờ hữu sông Tích, huyện Quốc Oai	C					1	42,7	36,4
	Nâng cấp các tuyến bờ bao sông tích phục vụ công tác phòng chống lũ và nâng cao hệ số sử dụng đất trên địa bàn huyện Quốc Oai	C					1	77,5	69,7
10	UBND huyện Hoài Đức		1				1	105,4	79,0
	Cải tạo nâng cấp đường tỉnh lộ 422 đoạn từ Sơn Đồng- Cát Quế huyện Hoài Đức	B					1	105,4	79,0
11	UBND quận Nam Từ Liêm		4	0	-	-	4	860,0	701,7
	Cải tạo, mở rộng đường Đỗ Xuân Hợp và công hóa thành mương kín tuyến mương Nguyễn Cơ Thạch đến hết đường Đỗ Xuân Hợp	B					1	293,9	261,6
	Công hóa thành mương kín để làm đường giao thông tuyến mương Đồng Bông	B					1	185,7	158,9
	GPMB tạo quỹ đất sạch để đấu giá QSD đất ký hiệu DDM, phường Đại Mỗ, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội	B					1	115,6	102,5
	Nâng cấp, mở rộng đường 70 (đoạn từ đường Trần Hữu Dực kéo dài đến Quốc lộ 32), quận Nam Từ Liêm	B					1	264,8	178,7
12	UBND huyện Đông Anh		3	-	-	-	3	217,9	129,6
	Xây dựng HTKT khu tái định cư phục vụ GPMB cụm công nghiệp vừa và nhỏ Nguyễn Khê	B					1	67,8	49,2
	Đường nối từ đường Cao Lỗ đến nhà tang lễ huyện Đông Anh	B					1	91,4	51,2
	Xây dựng HTKT khu tái định cư tại xã Dục Tú, huyện Đông Anh phục vụ công tác GPMB Dự án xây dựng Quốc lộ 3 mới Hà Nội - Thái Nguyên qua địa bàn huyện Đông Anh	C					1	58,6	29,2
13	UBND quận Thanh Xuân		1				1	92,4	17,2
	Xây dựng nhà ở phục vụ di dân giải phóng mặt bằng tại phường Kim Giang	B					1	92,4	17,2
14	UBND Huyện Thường Tín		1				1	26,3	23,0
	Xây dựng phòng khám đa khoa khu vực Tô Hiệu, huyện Thường Tín	C					1	26,3	23,0
15	UBND huyện Ứng Hòa		2	-	-	-	2	197,7	94,8
	Xây dựng HTKT phục vụ phát triển khu nuôi trồng thủy sản tập trung tại các xã Trung Tú, Đồng Tân huyện Ứng Hòa	B					1	140,6	56,6
	Nâng cấp, cải tạo đê tả Đáy đoạn xã Đồng Tiến và thị trấn Văn Đình, huyện Ứng Hòa	B					1	57,1	38,2
16	UBND Thị xã Sơn Tây		1				1	6,2	4,9
	Xây dựng Ban chỉ huy phòng, chống lụt bão xã	C					1	6,2	4,9

Phụ lục 2.1

TỔNG HỢP DỰ ÁN HOÀN THÀNH SỬ DỤNG VỐN ĐẦU TƯ CÔNG CẤP HUYỆN ĐÃ PHÊ DUYỆT QUYẾT TOÁN

(Kèm theo Văn bản số /STC-TCĐT ngày / /2025 của Sở Tài chính)

Đơn vị tính: tỷ đồng

STT	Loại dự án	Số dự án	Tổng mức đầu tư	Giá trị đề nghị quyết toán	Giá trị phê duyệt quyết toán	Chênh lệch
A	Tổng cộng	2.170	25.553,8	22.755,5	22.577,3	178,2
1	UBND quận Ba Đình	36	659,4	595,7	591,9	3,8
2	UBND quận Cầu Giấy	61	685,5	571,3	571,1	0,2
3	UBND quận Đống Đa	52	735,8	674,8	672,0	2,8
4	UBND quận Hai Bà Trưng	41	581,4	561,2	560,3	0,9
5	UBND quận Hà Đông	44	524,0	490,8	486,8	4,0
6	UBND quận Hoàn Kiếm	19	493,871	398,6	398,5	0,1
7	UBND quận Hoàng Mai	24	798,526	731,6	730,7	0,9
8	UBND quận Long Biên	40	2.590,982	2.020,1	1.997,1	23,0
9	UBND quận Tây Hồ	43	883,7	703,8	699,0	4,8
10	UBND quận Thanh Xuân	102	313,1	300,2	296,0	4,2
11	UBND quận Bắc Từ Liêm	40	396,7	353,6	352,0	1,7
12	UBND quận Nam Từ Liêm	22	371,1	342,8	339,4	3,4
13	UBND huyện Ba Vì	114	1.657,3	1.573,9	1.568,7	5,2
14	UBND huyện Chương Mỹ	27	210,4	180,3	179,2	1,2
15	UBND huyện Đan Phượng	90	916,2	856,9	848,0	8,8
16	UBND huyện Đông Anh	147	2.248,2	1.932,7	1.914,9	17,8
17	UBND huyện Gia Lâm	101	1.817,4	1.632,5	1.602,7	29,8
18	UBND huyện Hoài Đức	106	684,7	630,4	626,3	4,1
19	UBND huyện Mê Linh	113	806,8	747,2	739,1	8,1
20	UBND huyện Mỹ Đức	40	380,1	362,7	361,3	1,4
21	UBND huyện Phú Xuyên	59	531,3	502,9	498,4	4,5
22	UBND huyện Phúc Thọ	121	841,9	756,1	749,2	6,9
23	UBND huyện Quốc Oai	83	604,1	558,4	546,0	12,4
24	UBND huyện Sóc Sơn	44	630,0	589,2	585,8	3,4
25	UBND huyện Thạch Thất	71	791,6	730,4	728,9	1,5
26	UBND huyện Thanh Oai	239	814,6	747,0	737,0	10,0
27	UBND huyện Thanh Trì	48	1.013,0	915,3	913,1	2,2
28	UBND huyện Thường Tín	84	525,4	496,5	493,3	3,2
29	UBND huyện Ứng Hòa	106	1.208,8	1.041,0	1.035,4	5,6
30	UBND Thị xã Sơn Tây	53	837,8	757,6	755,1	2,5

Phụ lục 2.2

TỔNG HỢP DỰ ÁN HOÀN THÀNH SỬ DỤNG VỐN ĐẦU TƯ CÔNG CẤP HUYỆN CHƯA PHÊ DUYỆT QUYẾT TOÁN
(Kèm theo Văn bản số /STC-TCĐT ngày / /2025 của Sở Tài chính)

a) Dự án đã nộp hồ sơ quyết toán về phòng Tài chính - Kế hoạch:

Đơn vị tính: tỷ đồng

STT	Loại dự án sử dụng ngân sách cấp huyện	Tổng số dự án	Dự án trong thời hạn thẩm tra, phê duyệt quyết toán			Dự án vi phạm thời gian quyết toán		
			Số dự án	Tổng mức đầu tư	Tổng đề nghị quyết toán	Số dự án	Tổng mức đầu tư	Tổng đề nghị quyết toán
A	Tổng cộng	323	291	5.732,4	5.037,7	32	312,9	288,3
1	UBND quận Ba Đình	-	-	-	-	-	-	-
2	UBND quận Cầu Giấy	-	-	-	-	-	-	-
3	UBND quận Đống Đa	15	15	363,9	340,3	-	-	-
4	UBND quận Hai Bà Trưng	8	8	101,1	91,5	-	-	-
5	UBND quận Hà Đông	7	3	149,8	137,6	4	51,3	48,5
6	UBND quận Hoàn Kiếm	4	4	7,2	4,4	-	-	-
7	UBND quận Hoàng Mai	7	7	288,5	255,5	-	-	-
8	UBND quận Long Biên	12	12	435,1	287,9	-	-	-
9	UBND quận Tây Hồ	3	3	230,5	222,1	-	-	-
10	UBND quận Thanh Xuân	4	4	11,8	11,5	-	-	-
11	UBND quận Bắc Từ Liêm	3	3	15,8	15,1	-	-	-
12	UBND quận Nam Từ Liêm	4	4	79,8	72,3	-	-	-
13	UBND huyện Ba Vì	45	45	742,8	696,9	-	-	-
14	UBND huyện Chương Mỹ	22	22	429,8	380,4	-	-	-
15	UBND huyện Đan Phượng	7	7	97,6	90,3	-	-	-
16	UBND huyện Đông Anh	7	7	716,1	593,0	-	-	-
17	UBND huyện Gia Lâm	4	4	45,9	41,3	-	-	-
18	UBND huyện Hoài Đức	33	33	584,1	516,2	-	-	-
19	UBND huyện Mê Linh	8	8	66,3	57,9	-	-	-
20	UBND huyện Mỹ Đức	3	3	26,0	25,8	-	-	-
21	UBND huyện Phú Xuyên	6	6	98,6	93,0	-	-	-
22	UBND huyện Phúc Thọ	36	19	270,9	230,3	17	200,8	188,1
23	UBND huyện Quốc Oai	3	3	28,0	24,8	-	-	-
24	UBND huyện Sóc Sơn	11	11	143,4	135,6	-	-	-
25	UBND huyện Thạch Thất	16	6	54,3	51,6	10	58,9	50,0
26	UBND huyện Thanh Oai	3	3	25,0	22,4	-	-	-
27	UBND huyện Thanh Trì	6	6	331,8	281,2	-	-	-
28	UBND huyện Thường Tín	24	23	125,2	119,3	1	1,9	1,7
29	UBND huyện Ứng Hòa	19	19	211,0	191,5	-	-	-
30	UBND thị xã Sơn Tây	3	3	52,2	47,9	-	-	-

b) Dự án chưa nộp hồ sơ quyết toán về Phòng Tài chính - Kế hoạch:

Đơn vị tính: tỷ đồng

STT	Loại dự án sử dụng ngân sách cấp huyện	Tổng số dự án	Dự án trong thời hạn lập báo cáo quyết toán			Dự án vi phạm thời gian quyết toán		
			Số dự án	Tổng mức đầu tư	Tổng vốn đã thanh toán	Số dự án	Tổng mức đầu tư	Tổng vốn đã thanh toán
A	Tổng cộng	639	508	7.945,7	6.463,0	131	3.150,2	2.546,9
1	UBND quận Ba Đình	-	-	-	-	-	-	-
2	UBND quận Cầu Giấy	-	-	-	-	-	-	-
3	UBND quận Đống Đa	20	20	473,5	336,1	-	-	-
4	UBND quận Hai Bà Trưng	10	10	148,9	131,8	-	-	-
5	UBND quận Hà Đông	5	-	-	-	5	65,4	57,4
6	UBND quận Hoàn Kiếm	1	1	258,9	199,3	-	-	-
7	UBND quận Hoàng Mai	11	11	804,2	681,0	-	-	-
8	UBND quận Long Biên	11	11	781,2	563,0	-	-	-
9	UBND quận Tây Hồ	3	3	153,8	131,1	-	-	-
10	UBND quận Thanh Xuân	1	1	2,0	1,7	-	-	-
11	UBND quận Bắc Từ Liêm	6	6	191,5	164,0	-	-	-
12	UBND quận Nam Từ Liêm	8	5	114,4	79,6	3	86,8	74,4
13	UBND huyện Ba Vì	25	12	309,1	284,8	13	365,0	331,0
14	UBND huyện Chương Mỹ	7	6	104,1	91,4	1	25,5	23,9
15	UBND huyện Đan Phượng	12	12	95,0	74,0	-	-	-
16	UBND huyện Đông Anh	235	235	1.863,4	1.527,8	-	-	-
17	UBND huyện Gia Lâm	53	8	140,1	89,6	45	1.439,3	1.064,8
18	UBND huyện Hoài Đức	54	54	221,2	112,0	-	-	-
19	UBND huyện Mê Linh	11	11	50,7	44,3	-	-	-
20	UBND huyện Mỹ Đức	7	7	80,6	75,3	-	-	-
21	UBND huyện Phú Xuyên	12	12	161,4	144,6	-	-	-
22	UBND huyện Phúc Thọ	37				37	656,1	557,9
23	UBND huyện Quốc Oai	17	5	36,3	31,8	12	283,2	238,6
24	UBND huyện Sóc Sơn	5	5	32,2	27,7	-	-	-
25	UBND huyện Thạch Thất	31	30	1.436,3	1.260,8	1	5,7	4,0
26	UBND huyện Thanh Oai	-	-	-	-	-	-	-
27	UBND huyện Thanh Trì	3	3	28,4	22,5	-	-	-
28	UBND huyện Thường Tín	18	10	122,6	110,9	8	92,3	84,5
29	UBND huyện Ứng Hòa	26	20	276,8	242,4	6	130,8	110,3
30	UBND thị xã Sơn Tây	10	10	59,3	35,7	-	-	-